|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NĐ-CP  **DỰ THẢO** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của**

**Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ**

1. Sửa đổi các điểm q, r, t khoản 1 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi điểm q khoản 1 Điều 1 như sau:

“q) “Luật Đường sắt” là Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;”.

b) Sửa đổi điểm r khoản 1 Điều 1 như sau:

“r) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;”.

c) Sửa đổi điểm t khoản 1 Điều 1 như sau:

“t) “Nghị định số 159/2020/NĐ-CP” là Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020.”.

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;

Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;

Kinh doanh vận tải đường sắt;

Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;

Cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia, liên vận quốc tế và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

Kinh doanh kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải (kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải khác);

Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống; vận tải đa phương thức trong nước, liên vận quốc tế;

Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở;

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (cho thuê đầu máy, toa xe, dịch vụ cung cấp sức kéo; máy móc, thiết bị thực hiện việc bảo trì, xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt);

Sản xuất động cơ, tuabin (tư vấn thiết kế, chế tạo, đóng mới, lắp ráp, hoán cải, sửa chữa, khôi phục vật tư phụ tùng, xuất nhập khẩu, mua bán các phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên ngành đường sắt phục vụ vận tải đường sắt, bảo trì, xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt và các sản phẩm cơ khí);

Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe; Tái chế phế liệu;

Dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch;

b) Ngành, nghề có liên quan phục vụ ngành, nghề kinh doanh chính:

Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật (tư vấn đầu tư xây dựng, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng);

Hoạt động xây dựng chuyên dụng (lắp đặt, sửa chữa các hệ thống chiếu sáng và hệ thống tín hiệu trên đường sắt).

c) Tùy từng thời điểm và tình hình sản xuất kinh doanh, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có thể bổ sung ngành, nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm sau khi được đại diện chủ sở hữu chấp thuận.”.

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Quản lý, bảo trì, khai thác, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao, cho thuê, chuyển nhượng theo quy định của Nhà nước để bảo đảm hoạt động giao thông vận tải đường sắt thông suốt, an toàn và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.”.

4. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Được tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước. Có các quyền, nghĩa vụ của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định”.

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.”.

5. Sửa đổi khoản 5, bổ sung khoản 12 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khung giá dịch vụ cho thuê sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư; đề xuất, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bổ sung, sửa đổi các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật.”

b) Bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Việc đấu thầu, thực hiện các công trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.”.

6. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo đúng đối tượng, giá và phí mà nhà nước quy định.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Nhận dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước giao hoặc đặt hàng và đặt hàng hoặc giao một phần hoặc toàn bộ dịch vụ sự nghiệp công cho công ty con thực hiện theo quy định của nhà nước.”

c) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước nhà nước về kết quả hoạt động dịch vụ sự nghiệp công của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về dịch vụ sự nghiệp công do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trực tiếp thực hiện và cung ứng.”

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Cung cấp đủ số lượng dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo đúng chất lượng, đúng đối tượng và đúng thời gian.”

đ) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.”.

7. Sửa đổi tên Điều 24 và khoản 1, khoản 4 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 24 như sau:

“Điều 24. Quyền, trách nhiệm của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp”

b) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Đề xuất Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.”

c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đối với thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên; cử thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.

Báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng Chính phủ trước khi có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định bổ nhiệm đối với Tổng giám đốc Tổng công ty. Trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ.

Có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc Tổng công ty.”.

8. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 29 như sau:

“đ) Ban Kiểm tra - Kiểm toán, bộ máy giúp việc.”.

9. Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau:

“3. Xây dựng dự thảo, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam báo cáo cấp có thẩm quyền trình Chính phủ ban hành.”.

10. Sửa đổi khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tổng công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; Kiểm soát viên Tổng công ty.

d) Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

đ) Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc công ty khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.”.

11. Sửa đổi khoản 1 Điều 34 như sau:

“1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ này.”.

12. Sửa đổi khoản 3 Điều 36 như sau:

“3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty; Kiểm soát viên Tổng công ty.

d) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại Tổng công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

đ) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty”.

13. Sửa đổi khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có số lượng Phó Tổng giám đốc không quá 05 người và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp cần bổ sung Phó Tổng giám đốc vượt quá quy định, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.”.

14. Sửa đổi khoản 1 Điều 42 như sau:

“1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có 03 Kiểm soát viên do Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn tại doanh nghiệp quyết định thành lập Ban Kiểm soát tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Đánh giá người quản lý doanh nghiệp

1. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đạt các tiêu chí sau:

a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại A theo quy định;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống lành mạnh; lề lối làm việc chuẩn mực;

c) Luôn gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng công ty;

d) Hoàn thành từ 100% trở lên các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

đ) Hoàn thành tốt việc khắc phục các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có);

e) Việc chấp hành, tuân thủ chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ khi đạt các tiêu chí sau:

a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại A theo quy định;

b) Đạt các tiêu chí quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này;

c) Hoàn thành từ 90% trở lên các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi đạt các tiêu chí sau:

a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại B theo quy định;

b) Đạt các tiêu chí quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này này;

c) Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

4. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi có một trong các tiêu chí sau:

a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại C theo quy định;

b) Có biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức; có lối sống không lành mạnh; vi phạm các quy định về ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong, lề lối làm việc đã được cấp có thẩm quyền kết luận;

c) Không thực hiện hoặc vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng công ty;

d) Hoàn thành dưới 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

đ) Không thực hiện hoặc tuân thủ không đúng ý kiến chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cấp có thẩm quyền;

e) Không khắc phục được các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có).”.

16. Sửa đổi Điều 46 như sau:

“Điều 46. Từ chức

1. Người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được từ chức theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự nguyện xin thôi giữ chức vụ để chuyển giao vị trí lãnh đạo;

b) Do tự nhận thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vị trí công tác không phù hợp;

c) Vì lý do cá nhân khác.

2. Người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không được từ chức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; nhiệm vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh mà việc từ chức; nếu từ chức ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và nhà nước.

b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.

3. Việc từ chức đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.”.

17. Sửa đổi khoản 1, bổ sung khoản 3 Điều 47 như sau:

a. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Việc miễn nhiệm đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được thực hiện theo quy định tại một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

c) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

d) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ bổ nhiệm;

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ;

e) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.”

b. Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc miễn nhiệm đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“Điều 48. Khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:

Người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có thành tích hoặc quá trình cống hiến thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật:

a) Khách quan, công bằng; công khai, minh bạch; nghiêm minh, đúng pháp luật;

b) Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; không tách riêng từng nội dung vi phạm để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau;

c) Trường hợp người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

- Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

- Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới.

d) Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra;

đ) Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng thay cho hình thức kỷ luật theo quy định tại Nghị định này; việc xử lý kỷ luật không thay cho truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm đến mức bị xử lý hình sự;

e) Trường hợp người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cấp có thẩm quyền phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật;

g) Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm trong quá trình xử lý kỷ luật.

3. Việc khen thưởng, xử lý kỷ luật thực hiện theo Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan”.

19. Sửa đổi Mục 6 Chương IV như sau:

“Mục 6. BAN KIỂM TRA - KIỂM TOÁN”.

20. Sửa đổi Điều 50 như sau:

“Điều 50. Ban Kiểm tra - Kiểm toán

1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có Ban Kiểm tra - Kiểm toán do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, trực thuộc Hội đồng thành viên.

2. Ban Kiểm tra - Kiểm toán có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Hội đồng thành viên trong việc: Kiểm tra, kiểm toán nội bộ, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành; Kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá Người đại diện; phát hiện, xác minh, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư; Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật trong Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

3. Hội đồng thành viên quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra - Kiểm toán.”.

21. Sửa đổi khoản 1 Điều 56 như sau:

“1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên cử, cử lại, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của người đại diện không quá 05 năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trường hợp cử nhiều người đại diện phần vốn góp tại một doanh nghiệp thì Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phải quy định cụ thể tỷ lệ đại diện cho từng người đại diện và phân công người đại diện phụ trách chung trong nhóm người đại diện. Người đại diện có thể được cử lại.

Trường hợp không cử người đại diện thì Hội đồng thành viên là người trực tiếp thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.”.

22. Sửa đổi Điều 58 như sau:

“Điều 58. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết kèm theo Nghị định này.”.

23. Sửa đổi Điều 75 như sau:

“Điều 75. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được sửa đổi, bổ sung khi các luật liên quan có quy định khác với quy định trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp Hội đồng thành viên thấy cần phải bổ sung, sửa đổi hoặc do chủ sở hữu yêu cầu. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình Chính phủ ban hành.”.

24. Sửa đổi khoản 1 Điều 76 như sau:

“1. Các bộ, ngành, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.”.

**Điều 2.** **Thay thế, bãi bỏ một số quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ**

1. Thay thế một số cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:

a) Thay thế cụm từ *“sản phẩm, dịch vụ công ích”* bằng cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* tại khoản 4 Điều 10, khoản 4 Điều 11, khoản 6 Điều 14, khoản 4 Điều 19, khoản 5 Điều 20, điểm d khoản 2 Điều 55.

b) Thay thế cụm từ “*Bộ Giao thông vận tải*” bằng cụm từ “*Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp*” tại Điều 6, khoản 8 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 7 Điều 16, khoản 5, 6 Điều 23, khoản 8 Điều 24, khoản 2, 4 Điều 25, khoản 1, 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 30, khoản 2, 6, 7, 21, 22 Điều 31, điểm d khoản 2 Điều 33, khoản 1, 2, 12 Điều 34, khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41, khoản 1, 3 Điều 42, điểm d khoản 2 và điểm b, c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 55, khoản 3 Điều 65, khoản 4 Điều 67.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 13.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, CN (3b) | **TM. CHÍNH PHỦ KT. THỦ TƯỚNG** **PHÓ THỦ TƯỚNG** |